

Bản án số: 40/2020/DS - PT

Ngày: 04-12- 2020

“V/v: Yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiên**.

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tụ** và ông **Phạm Việt Cường**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham dự phiên tòa: **Phạm Tấn Ánh** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/TBTL-TA ngày 14 tháng 8 năm 2020; về việc: *“Yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự”.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 11 tháng 05 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N; trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế H; trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; trú tại: tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Trọng G – Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Thành T – Chấp hành viên của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tại Kết luận số 255/KL-CTHA ngày 13-7-2016, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai đã kết luận rằng, Chấp hành viên của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai là ông Vũ Thành T có hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại trong quá trình cưỡng chế, kê biên, bán đấu giá và xử lý tiền bán đấu giá có liên quan đến tài sản của bà, gây thiệt hại về vật chất và tinh thần của bà, nên bà khởi kiện yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước, tổng cộng 319.900.000 đồng, cụ thể:

- Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút là 171.000.000 đồng (gồm tiền lương phải trả cho 4 nhân viên là 36.000.000 đồng; doanh thu bị mất trong thời gian 3 tháng là 135.000.000 đồng; thiệt hại khác là 35.000.000 đồng).
- Tiền lãi do chậm thanh toán nợ Ngân hàng là 21.000.000 đồng;
- Chi phí in ấn tài liệu, gửi đơn trong quá trình khiếu nại, tố cáo là 14.000.000 đồng;
- Thiệt hại sức khỏe là 100.000.000 đồng.
- Thiệt hại về tinh thần là 13.900.000 đồng.

Bị đơn là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với khoản thiệt hại về thu nhập bị mất hay bị giảm sút do bị thu giữ giấy đăng ký kinh doanh không đúng quy định, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (*sau đây gọi tắt là Cục*) đã có Công văn số 666/CTHA-NV đề ngày 14-11-2011 “v/v chuyên giao giấy tờ thế chấp của ông H, bà N” gửi cho Ngân hàng X huyện I, nói rõ Ngân hàng phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H, bà N đã thế chấp tại Ngân hàng cho Cục, chứ không yêu cầu Ngân hàng này phải giao cả giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, sau đó, Ngân hàng lại bàn giao cho Thư ký của Cục toàn bộ hồ sơ thế chấp của ông H, bà N và trong đó có cả giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh Nguyễn Thị N; việc này là do lỗi của Ngân hàng. Sau khi bà N có đơn tố cáo, ngày 13-7-2015, Cục đã làm việc với Ngân hàng, phía Ngân hàng cho biết, theo quy định của Ngân hàng X Việt Nam thì khi cho hộ kinh doanh cá thể vay vốn, hồ sơ phải có giấy đăng ký kinh doanh của khách hàng, Ngân hàng mới cho vay, nên nếu bà N lấy lý do nghỉ kinh doanh vì không có giấy phép thì bà N phải nghỉ kinh doanh từ tháng 6 năm 2010, vì lúc đó giấy phép kinh doanh của bà N đã thế chấp tại Ngân hàng.

Cục đã làm việc với Chi cục Thuế huyện I và xác định hộ kinh doanh Nguyễn Thị N đã nộp thuế đầy đủ từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 01 năm 2013; hộ kinh doanh cá thể cũng không cần phải trình giấy đăng ký kinh doanh cho cơ quan thuế ngoại trừ lần nộp thuế đầu tiên. Hộ bà N có yêu cầu cơ quan thuế xin

tạm ngừng kinh doanh 3 tháng, sau khi kiểm tra cơ quan thuế đã ra quyết định miễn (giảm) thuế cho hộ kinh doanh của bà N và cơ quan thuế có cung cấp cho Cục thi hành án bảng kê nộp thuế của hộ kinh doanh bà N từ năm 2011 - 2013.

Đối với thiệt hại về tinh thần, bà N vẫn kinh doanh, buôn bán bình thường, nếu có thiệt hại thì bà N phải chứng minh.

Đối với chi phí in ấn tài liệu, gửi đơn trong quá trình khiếu nại, tố cáo thì ngay sau khi bà N có đơn thư khiếu nại, Cục đều đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, nhiều lần gọi điện, thông báo cho ông H, bà N lên làm việc để giải quyết khiếu nại của họ, nên không phát sinh các chi phí này.

Đối với yêu cầu về bồi thường tiền lãi Ngân hàng thì theo quy định tại điều 47 của Luật thi hành án dân sự năm 2008, cơ quan thi hành án phải trừ các chi phí thi hành án, sau đó mới được xử lý số tiền thu được để giải quyết thi hành án và các nghĩa vụ khác của người phải thi hành án hoặc trả lại cho người phải thi hành án. Trường hợp của ông H, mặc dù khi bán tài sản, chưa trừ đi các chi phí phát sinh khác để làm thủ tục chuyển nhượng tài sản bán đấu giá thì Cục đã chuyển trước 221.050.000 đồng cho Ngân hàng, như vậy là đã có lợi cho người phải thi hành án. Mặt khác, khi bán đấu giá tài sản xong thì cơ quan thi hành án bàn giao toàn bộ hồ sơ của tài sản đấu giá cho người mua để người mua tự đi đăng ký, chi phí đăng ký do cơ quan thi hành án phải chịu. Sau khi có thông báo nộp các khoản thuế do người mua cung cấp cho cơ quan thi hành án thì lúc này cơ quan thi hành án mới thực hiện trừ các chi phí như quy định tại điều 47 của Luật thi hành án dân sự năm 2008. Cũng theo quy định của pháp luật về thi hành án năm 2008, thì đối với tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản nhưng chưa giao được tài sản cho người trúng đấu giá thì pháp luật chưa quy định rõ là thanh toán cho người được thi hành án từ thời điểm nào.

Mục đích của Văn bản số 592/CTHA-NV ngày 18-10-2011 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai chỉ là để thông báo cho ông H, bà N giao tài sản cho người mua trúng đấu giá, chứ không phải là để tổ chức thi hành án đối với bà N, nên mặc dù tại văn bản này có sơ suất là đã ghi tên bà Nguyễn Thị N, nhưng sự việc đó không ảnh hưởng đến bà N. Do đó, ngày 6-8-2014, Cục đã có văn bản đính chính Văn bản số 592/CTHA-NV ngày 18-10-2011.

Mặc dù Cục có thiếu sót và đã được kết luận tại Kết luận nội dung tố cáo số 255/KL-CTHA ngày 17-3-2016 của Cục, nhưng những thiếu sót đó không gây thiệt hại cho bà N.

Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có cơ sở.

Ngoài ra, ngày 18-3-2016, bà N nhận được Kết luận số 255/KL-CTHA ngày 13-7-2016, nhưng mãi đến ngày 10-9-2018, bà N mới nộp đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường, nên theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2009 thì đã hết thời hiệu để bà N khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40; Điều 147, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 7, Điều 12, Điều 21, Điều 22, Điều 52, Điều 53, Điều 76 và Điều 78 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Áp dụng Điều 584, Điều 592, Điều 598 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 611, Điều 619, Điều 620 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 26.034.358 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Không chấp nhận các yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai phải bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút là 171.000.000 đồng (tiền lương phải trả cho 4 nhân viên là 36.000.000 đồng; doanh thu bị mất trong thời gian 3 tháng là 135.000.000 đồng; thiệt hại khác là 35.000.000 đồng); tiền lãi do chậm thanh toán nợ ngân hàng là 21.000.000 đồng; thiệt hại sức khỏe là 100.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu được xét xử lại vụ án, buộc Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai phải bồi thường các khoản tiền bị mất, bị thiệt hại là 319.900.000 đồng như đơn khởi kiện; ngày 20 tháng 5 năm 2020, bị đơn - Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những nội dung sau: Về thẩm quyền giải quyết là không đúng quy định của Luật bồi thường nhà nước năm 2017; không có căn cứ để bồi thường 2 khoản về tiền chi phí đi lại và tiền tổn thất về tinh thần cho bà N.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo; Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Nguyên đơn và Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kháng

cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn và Bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Phiên tòa được triệu tập lần thứ 2, Nguyên đơn kháng cáo xin xét xử vắng mặt. Bị đơn kháng cáo có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn – Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai về thẩm quyền giải quyết vụ án thì thấy: Ngày 28-3-2019, Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là Cục thi hành án) lập “*Biên bản kết quả thương lượng việc bồi thường*” để giải quyết đơn của bà N yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Biên bản này thể hiện việc thương lượng bồi thường giữa Cục thi hành án và bà N không thành và thông báo cho bà N biết bà có quyền khởi kiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 28-3-2019.

Ngày 12 – 4 – 2019, bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu Tòa án buộc Cục Thi hành án phải bồi thường các thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết vụ án là đúng các quy định tại Khoản 2 Điều 52, khoản 2 Điều 53 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của Cục thi hành án về nội dung này không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N yêu cầu Cục thi hành án phải bồi thường các khoản tiền bị mất, bị thiệt hại là 319.900.000 đồng như đơn khởi kiện, trừ các khoản đã được Bản án sơ thẩm chấp nhận thì thấy:

Bà N khởi kiện yêu cầu Cục Thi hành án bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, tổng cộng 319.900.000 đồng, cụ thể:

- Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút là 171.000.000 đồng (gồm tiền lương phải trả cho 4 nhân viên là 36.000.000 đồng; doanh thu bị mất trong thời gian 3 tháng là 135.000.000 đồng; thiệt hại khác là 35.000.000 đồng).

- Tiền lãi do chậm thanh toán nợ Ngân hàng là 21.000.000 đồng;

- Chi phí in ấn tài liệu, gửi đơn trong quá trình khiếu nại, tố cáo là 14.000.000 đồng;

- Thiệt hại sức khỏe là 100.000.000 đồng.

- Thiệt hại về tinh thần là 13.900.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà N buộc Cục thi hành án

phải bồi thường 02 khoản: Chi phí in ấn tài liệu, gửi đơn trong quá trình khiếu nại, tố cáo là 11.134.358 đồng; tổn thất về tinh thần là 14.900.000 đồng.

[3.1]. Xét khoản yêu cầu bồi thường do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút là 171.000.000 đồng (gồm tiền lương phải trả cho 4 nhân viên là 36.000.000 đồng; doanh thu bị mất trong thời gian 3 tháng là 135.000.000 đồng; thiệt hại khác là 35.000.000 đồng) thì thấy: Theo Biên bản làm việc ngày 28/02/2019 của Chi cục thuế huyện I (BL52) về việc xác minh nộp thuế của bà Nguyễn Thị N thì từ tháng 01/2011 đến tháng 12/2013, Hộ kinh doanh của bà N vẫn nộp thuế đầy đủ, các lần nộp thuế không phải xuất trình Giấy đăng ký kinh doanh cho Cơ quan thuế, ngoại trừ lần nộp thuế đầu tiên. Hộ kinh doanh của bà N chỉ tạm ngừng hoạt động để chuyển địa điểm kinh doanh và được miễn kỳ thuế tháng 12/2011 (BL96). Như vậy, bà N vẫn kinh doanh bình thường, hành vi thu giữ Giấy phép kinh doanh hộ cá thể số 39F8000028 ghi tên hộ kinh doanh “X”, do bà Nguyễn Thị N là chủ hộ của Chấp hành viên Cục thi hành án không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của hộ bà N. Kháng cáo của bà N về nội dung này không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2]. Xét khoản thiệt hại về tiền lãi do chậm thanh toán nợ Ngân hàng là 21.000.000 đồng và thiệt hại sức khỏe là 100.000.000 đồng thì thấy:

- Ngày 30/9/2011, T tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh Gia Lai đã bán đấu giá tài sản được kê biên; ngày 19/10/2011, T tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh Gia Lai nộp tiền vào tài khoản của Cục thi hành án; ngày 09/11/2011, Cục thi hành án đã nộp vào Ngân hàng NN&PTNT huyện I số tiền 221.050.000 đồng. Theo quy định tại Điều 47 Luật thi hành án dân sự năm 2008 thì cơ quan Thi hành án phải trừ các chi phí thi hành án sau đó mới giải quyết số tiền còn lại để thi hành án và các nghĩa vụ khác của người phải thi hành án. Cục thi hành án đã thực hiện đúng quy định về xử lý số tiền thu được sau đấu giá tài sản.

- Trong thời gian bị giữ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có tên là người có nghĩa vụ phải thi hành án trong Công văn số 592/CTHA-NV ngày 18-10-2011 của Cục thi hành án thì bà N vẫn kinh doanh bình thường, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho cơ quan thuế huyện I; mặt khác, bà N cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh là sức khỏe bị xâm hại sau khi bị giữ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có tên là người có nghĩa vụ phải thi hành án trong Công văn số 592/CTHA-NV của Cục thi hành án.

Từ các căn cứ nêu trên, yêu cầu của bà N về bồi thường thiệt hại về tiền lãi do chậm thanh toán nợ Ngân hàng là 21.000.000 đồng và thiệt hại sức khỏe là 100.000.000 đồng không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Xét kháng cáo của Cục thi hành án cho rằng không có căn cứ để bồi thường 2 khoản tiền cho bà N là: Chi phí in ấn tài liệu, gửi đơn trong quá trình khiếu nại, tố cáo là 11.134.358 đồng; tổn thất về tinh thần là 14.900.000 đồng thì

thấy:

[4.1]. Trong quá trình thi hành Bản án kinh doanh thương mại số 11/2010/KDTM-PT ngày 14-12-2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Chấp hành viên của Cục thi hành án đã có hành vi thu giữ Giấy phép kinh doanh hộ cá thể số 39F8000028 ghi tên hộ kinh doanh “X”, do bà Nguyễn Thị N là chủ hộ và ra Công văn số 592/CTHA-NV ngày 18-10-2011 yêu cầu ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Thị N phải giao tài sản chung của họ là nhà và đất tại tổ dân phố 4, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai cho người trúng đấu giá, trong khi bà N không phải là người có nghĩa vụ phải thi hành án, là hành vi trái pháp luật. Tình tiết, sự kiện này đã được xác định tại Kết luận nội dung tố cáo số 255/KL-CTHA ngày 17-3-2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Do hành vi trái pháp luật của Chấp hành viên, nên bà N đã làm đơn khiếu nại, tố cáo kéo dài trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2018, trực tiếp đi ra Tổng cục thi hành án dân sự - Bộ tư pháp để gửi đơn khiếu nại. Bà N cho rằng chi phí gửi đơn khiếu nại chuyển phát nhanh là 7.500.000 đồng, chi đi ra Tổng cục thi hành án dân sự - Bộ tư pháp là 6.500.000 đồng. Đối chiếu với các chứng từ trong hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm chấp nhận chi phí gửi đơn khiếu nại chuyển phát nhanh là 4.634.358 đồng; chi đi ra Tổng cục thi hành án dân sự 6.500.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 28 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[4.2]. Công văn số 592/CTHA-NV ngày 18-10-2011 yêu cầu ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Thị N phải giao tài sản chung của họ là nhà và đất tại tổ dân phố 4, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai cho người trúng đấu giá, trong khi bà N không phải là người có nghĩa vụ phải thi hành án và thu giữ Giấy phép kinh doanh của bà N là trái pháp luật nên đã làm ảnh hưởng đến tinh thần của Bà N. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc Cục thi hành án phải bồi thường cho bà N khoản tổn thất về tinh thần là 14.900.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kháng cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai về các nội dung trên không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 26.034.358 đồng là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và kháng cáo của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[6]. Án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì: Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì: Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định về: Án phí sơ thẩm; quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và kháng cáo của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 7, Điều 12, Điều 21, Điều 22, Điều 52, Điều 53, Điều 76 và Điều 78 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Điều 584, Điều 592, Điều 598 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 611, Điều 619, Điều 620 của Bộ luật dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 26.034.358 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Không chấp nhận các yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai phải bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút là 171.000.000 đồng (tiền lương phải trả cho 4 nhân viên là 36.000.000 đồng; doanh thu bị mất trong thời gian 3 tháng là 135.000.000 đồng; thiệt hại khác là 35.000.000 đồng); tiền lãi do chậm thanh toán nợ ngân hàng là 21.000.000 đồng; thiệt hại sức khỏe là 100.000.000 đồng.

3. Án phí phúc thẩm:

3.1. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

3.2. Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0008117 ngày 15/5/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

4. Các quyết định về: Án phí sơ thẩm; quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến